

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **137/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 18-10-2021
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình

Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường Xuân– Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 383/2021/HNGĐ ngày 26/5/2021 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 10/9/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H

Hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú hiện nay: Khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Hoàng Cao L (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày:

Bà và ông L tìm hiểu, yêu thương nhau tự nguyện và chính thức về chung sống với nhau từ năm 1990 và có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B vào ngày 25/8/1990. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến năm 2010 mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân chính là do tính tình

không hợp, bà không thể chung sống với ông L được nữa nên về nhà bố mẹ tại Phú Yên sinh sống và một mình nuôi con trưởng thành từ năm 2010 cho đến nay. Trong thời gian chung sống có 03 con chung tên là Hoàng Thị Vân A, sinh năm 1991; Hoàng Kiều A, sinh năm 1993 và Hoàng Cao K, sinh năm 1998, hiện nay các con đã trên 18 tuổi nên ở với ai là tùy các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

2. *Đối với bị đơn ông Hoàng Cao L:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng tại nơi cư trú nhưng ông Ly không có ý kiến gì và cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng.

3. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự còn bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Bà H và ông L sống chung có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp, quá trình sống chung thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho bà H được ly hôn với ông L ; Về con chung đã trên 18 tuổi nên không giải quyết; Về tài sản chung: Không có nên không giải quyết; Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra lại tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là ly hôn, đây là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Bà H và ông L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì quan hệ hôn nhân có

mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân chính là tính tình không hợp nên làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà Hồng về sinh sống tại tỉnh Phú Yên từ năm 2010 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa Bà H và ông L đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân đã hơn 10 năm nay, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hồng là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

.....

[4]. Về con chung: Bà H và ông L có 03 con chung tên là Hoàng Thị Vân A , sinh năm 1991; Hoàng Kiều A, sinh năm 1993 và Hoàng Cao K , sinh năm 1998, hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi nên ở với ai là tùy các cháu quyết định, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu H .

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu H được ly hôn với ông Hoàng Cao L .

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004085 ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND xã H; TP.BMT
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Lê Thị Mai